

# Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2016



Building a better  
working world

# Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8 - 9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 42

# Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam ("Công ty") trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 2124/QĐ-TCCB-LĐ do Bộ Giao thông Vận tải cấp ngày 13 tháng 8 năm 1996 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4106000097 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 5 năm 2005.

Ngày 4 tháng 7 năm 2008, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 854/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh đồng thuận bằng việc cấp GCNĐKKD số 4103013615 ngày 9 tháng 6 năm 2009 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Ngày 26 tháng 4 năm 2012, Công ty được chuyển đổi sang Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300447173 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa; vận tải hàng hóa bằng container; đại lý vận tải; cung cấp hoạt động kho bãi (kể cả kinh doanh kho bãi ICD, cảng cạn); cung cấp dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, đường thủy; dịch vụ bốc xếp hàng hóa, cung cấp dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; đóng tàu và cầu kiện nổi; sửa chữa tàu thuyền; chuẩn bị mặt bằng sản xuất, bến bãi, nhà xưởng; kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; cung ứng và quản lý nguồn lao động; và đại lý kinh doanh dầu và dầu nhờn.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 298 Đường Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có 3 chi nhánh sau đây:

- Chi nhánh Hà Nội tại số 3, Lô B, Tổ 102, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội;
- Trung tâm Xuất khẩu Lao động tại số 2, Ngõ 1 Lê Văn Hưu, Phường Ngô Thì Nhậm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội; và
- Chi nhánh Đà Nẵng tại số 430 Nguyễn Tri Phương, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 9 tháng 3 năm 2016
Ông Đinh Việt Tùng	Chủ tịch	từ nhiệm ngày 9 tháng 3 năm 2016
Ông Phạm Nghiêm Xuân Bắc	Thành viên	
Ông Trương Quốc Hưng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 9 tháng 3 năm 2016
Ông Lê Bá Thọ	Thành viên	bổ nhiệm ngày 9 tháng 3 năm 2016
Ông Trần Tuấn Anh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016
Ông Tô Hữu Hùng	Thành viên	từ nhiệm ngày 9 tháng 3 năm 2016
Ông Holland Patrick Thomas	Thành viên	từ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Tường Minh	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 9 tháng 3 năm 2016
Ông Nguyễn Trọng Phúc	Thành viên	bổ nhiệm ngày 9 tháng 3 năm 2016
Ông Phan Trọng Lâm	Thành viên	bổ nhiệm ngày 9 tháng 3 năm 2016
Ông De Mecquenem Alexis	Thành viên	từ nhiệm ngày 9 tháng 3 năm 2016
Ông Lê Cao Khánh	Thành viên	từ nhiệm ngày 9 tháng 3 năm 2016

# Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trương Quốc Hưng  
Ông Tô Hữu Hùng

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc

## **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trương Quốc Hưng.

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tổng Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Trương Quốc Hưng  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 3 năm 2017

Số tham chiếu: 61280423/18689108-HN

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Tổng Công ty") được lập ngày 17 tháng 3 năm 2017 và được trình bày từ trang 6 đến trang 42, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi một doanh nghiệp kiểm toán khác, phát hành ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 29 tháng 3 năm 2016.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Hàng Nhật Quang  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 1772-2013-004-1

Đặng Minh Tài  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 2815-2014-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 3 năm 2017

311  
NHIỆM  
T 8  
ỆT  
P 1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (được trình bày lại - Thuyết minh số 28)
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>315.284.354.085</b>	<b>283.280.722.437</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>45.183.412.446</b>	<b>168.407.993.499</b>
111	1. Tiền		24.237.412.446	40.787.993.499
112	2. Các khoản tương đương tiền		20.946.000.000	127.620.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>199.374.870.000</b>	<b>58.387.500.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	199.374.870.000	58.387.500.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>6</b>	<b>56.759.740.212</b>	<b>34.584.155.463</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		41.114.365.126	31.009.652.943
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		6.466.785.679	4.337.970.529
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		25.641.430.510	14.084.135.635
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(16.462.841.103)	(14.847.603.644)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>13.824.364.902</b>	<b>21.541.029.702</b>
141	1. Hàng tồn kho	7	13.824.364.902	21.541.029.702
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>141.966.525</b>	<b>360.043.773</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	141.966.525	67.000.000
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	293.043.773
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>850.478.848.125</b>	<b>851.261.646.604</b>
<b>210</b>	<b>I. Phải thu dài hạn</b>		<b>25.950.000</b>	<b>52.522.818</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác		25.950.000	52.522.818
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>191.680.443.639</b>	<b>196.110.454.201</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	186.478.098.639	190.908.109.201
222	Nguyên giá		343.074.791.593	333.083.201.486
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(156.596.692.954)	(142.175.092.285)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	5.202.345.000	5.202.345.000
228	Nguyên giá		5.202.345.000	5.202.345.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>14.771.707.034</b>	<b>4.043.861.348</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	14.771.707.034	4.043.861.348
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>12</b>	<b>638.135.620.784</b>	<b>645.369.193.487</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	12.1	317.138.354.170	324.345.354.055
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	12.2	320.997.266.614	321.023.839.432
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>5.865.126.668</b>	<b>5.685.614.750</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	5.865.126.668	5.685.614.750
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.165.763.202.210</b>	<b>1.134.542.369.041</b>

80  
T  
M  
H  
Y  
N  
A  
T  
O



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (được trình bày lại - Thuyết minh số 28)
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>157.920.078.397</b>	<b>158.434.439.420</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>90.911.092.491</b>	<b>98.823.417.859</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		1.960.014.492	2.849.574.856
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	2.282.794.214	12.485.843.504
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	3.438.127.898	9.628.015.607
314	4. Phải trả người lao động		2.979.812.688	787.469.677
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		703.964.113	164.016.999
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	60.303.823.434	57.029.402.265
320	7. Vay ngắn hạn	16	16.056.571.389	5.916.001.611
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn		989.150.620	686.724.736
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.196.833.643	9.276.368.604
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>67.008.985.906</b>	<b>59.611.021.561</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	15	7.569.629.000	2.942.438.000
338	2. Vay dài hạn	16	55.586.933.613	55.956.313.681
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	24.3	16.033.593	712.269.880
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn		3.836.389.700	-
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.007.843.123.813</b>	<b>976.107.929.621</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>1.007.843.123.813</b>	<b>976.107.929.621</b>
411	1. Vốn cổ phần	17.1	671.000.000.000	671.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		671.000.000.000	671.000.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu	17.1	530.450.206	531.468.161
418	3. Quỹ đầu tư phát triển	17.1	38.281.839.102	38.244.906.298
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	17.1	49.565.919.026	49.565.919.026
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	17.1	241.816.391.370	213.034.373.022
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		179.038.448.420	146.332.612.773
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		62.777.942.950	66.701.760.249
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	17.5	6.648.524.109	3.731.263.114
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.165.763.202.210</b>	<b>1.134.542.369.041</b>

*Phạm Quang Minh*

Phạm Quang Minh  
Người lập

*Trịnh Văn Quý*

Trịnh Văn Quý  
Kế toán trưởng



*Trương Quốc Hưng*  
Trương Quốc Hưng  
Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (được trình bày lại - Thuyết minh số 28)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.1	210.038.104.017	216.048.424.885
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18.1	(3.443.095.476)	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.1	206.595.008.541	216.048.424.885
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	19	(179.605.609.958)	(166.972.643.189)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		26.989.398.583	49.075.781.696
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18.2	75.443.233.465	17.578.218.447
22 23	7. Chi phí tài chính Trong đó: Chi phí lãi vay	20	(4.980.501.387) (1.001.016.750)	(457.195.761) (1.213.333.738)
24	8. Phần (lỗ) lãi trong công ty liên kết		(7.206.999.885)	24.144.789.700
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	(20.577.856.748)	(19.666.489.265)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		69.667.274.028	70.675.104.817
31	11. Thu nhập khác	22	1.136.750.899	5.924.217.626
32	12. Chi phí khác	22	(4.154.589.323)	(236.590.170)
40	13. (Lỗ) lợi nhuận khác		(3.017.838.424)	5.687.627.456
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		66.649.435.604	76.362.732.273
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.2	(4.149.521.156)	(9.310.733.581)
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	24.3	696.236.287	71.226.988

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (được trình bày lại - Thuyết minh số 28)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		63.196.150.735	67.123.225.680
61	18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		62.777.942.950	66.701.760.249
62	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	17.5	418.207.785	421.465.431
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	17.3	933	949
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	17.3	933	949

*Phạm Quang Minh*

*Trịnh Văn Quý*



Phạm Quang Minh  
Người lập

Trịnh Văn Quý  
Kế toán trưởng

Trương Quốc Hưng  
Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>66.649.435.604</b>	<b>76.362.732.273</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định	9	15.386.408.966	15.813.127.325
03	Các khoản dự phòng		1.615.237.459	(3.276.992.531)
04	Lỗ (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		688.374.904	(1.441.726.692)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(64.577.157.010)	(41.493.179.105)
06	Chi phí lãi vay	20	1.001.016.750	1.213.333.738
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>20.763.316.673</b>	<b>47.177.295.008</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(15.835.364.177)	(2.208.134.669)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		7.724.630.254	(5.353.978.084)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		3.730.364.374	(20.482.229.756)
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(235.818.126)	697.672.000
14	Tiền lãi vay đã trả		(883.516.750)	(1.213.333.738)
15	Thuế TNDN đã nộp	14	(10.507.165.015)	(4.657.302.801)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(7.380.313.840)	(6.221.964.282)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(2.623.866.607)</b>	<b>7.738.023.678</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(25.657.913.855)	(244.545.454)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		110.000.000	-
23	Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của các đơn vị khác		(273.987.370.000)	(681.287.500.000)
24	Tiền thu cho vay, bán lại công cụ nợ của các đơn vị khác		133.000.000.000	690.000.000.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		68.011.932.267	20.628.699.574
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(98.523.351.588)</b>	<b>29.096.654.120</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Vốn góp của cổ đông không kiểm soát	17.5	2.624.000.000	-
33	Tiền thu từ đi vay	16	45.254.373.946	26.421.326.063
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	16	(36.174.352.061)	(29.071.735.304)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	17.4	(33.550.000.000)	(25.430.900.000)
	Cổ tức đã trả cho cổ đông không kiểm soát	17.5	(234.177.664)	(136.760.624)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>		<b>(22.080.155.779)</b>	<b>(28.218.069.865)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(123.227.373.974)	8.616.607.933
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		168.407.993.499	158.612.194.656
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		2.792.921	1.179.190.910
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	45.183.412.446	168.407.993.499



*Phạm Quang Minh*

Phạm Quang Minh  
Người lập

*Trịnh Văn Quý*

Trịnh Văn Quý  
Kế toán trưởng



*Trương Quốc Hưng*  
Trương Quốc Hưng  
Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Tổng Công ty bao gồm Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam (“Công ty”), các công ty con và các công ty liên doanh, liên kết như sau:

**Công ty**

Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam (“Công ty”) trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 2124/QĐ-TCCB-LĐ do Bộ Giao thông Vận tải cấp ngày 13 tháng 8 năm 1996 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 4106000097 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 5 năm 2005.

Ngày 4 tháng 7 năm 2008, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 854/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh đồng thuận bằng việc cấp GCNĐKKD số 4103013615 ngày 9 tháng 6 năm 2009 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Ngày 26 tháng 4 năm 2012, Công ty được chuyển đổi sang Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300447173 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa; vận tải hàng hóa bằng container; đại lý vận tải; cung cấp hoạt động kho bãi (kể cả kinh doanh kho bãi ICD, cảng cạn); cung cấp dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, đường thủy; dịch vụ bốc xếp hàng hóa, cung cấp dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; đóng tàu và cấu kiện nổi; sửa chữa tàu thuyền; chuẩn bị mặt bằng sản xuất, bến bãi, nhà xưởng; kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; cung ứng và quản lý nguồn lao động; và đại lý kinh doanh dầu và dầu nhờn.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 298 Đường Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có 3 chi nhánh sau đây:

- Chi nhánh Hà Nội tại số 3, Lô B, Tổ 102, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội;
- Trung tâm Xuất khẩu Lao động tại số 2, Ngõ 1 Lê Văn Hưu, Phường Ngô Thị Nhậm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội; và
- Chi nhánh Đà Nẵng tại số 430 Nguyễn Tri Phương, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

**Công ty con**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có ba công ty con được trình bày như sau:

**Công ty Cổ phần Xây lắp Công trình (“ECCO”)**

Công ty sở hữu 86,15% vốn chủ sở hữu của ECCO, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4103000067 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 5 năm 2002 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của ECCO là xây dựng các công trình dân dụng. ECCO có trụ sở đăng ký tại số 202 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Phương tiện thủy Cần Thơ (“Đóng tàu Cần Thơ”)**

Công ty sở hữu 70% vốn chủ sở hữu của Đóng tàu Cần Thơ, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 5703000110 do SKHĐT Thành phố Cần Thơ cấp ngày 14 tháng 9 năm 2004 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của CanTho Shipyard là cung cấp các dịch vụ đóng tàu và các cấu kiện nổi. Đóng tàu Cần Thơ có trụ sở đăng ký tại số 77B Trần Phú, Phường Cái Khế, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)**

**Công ty con (tiếp theo)**

*Công ty Cổ phần Dịch vụ Xây dựng và Cơ khí Đường thủy Miền Nam ("SOWATMES")*

Công ty sở hữu 51% vốn chủ sở hữu của SOWATMES, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4103001933 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 11 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của SOWATMES là xây dựng các công trình dân dụng. SOWATMES có trụ sở đăng ký tại số 59 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Công ty liên doanh và liên kết**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có các công ty liên doanh và liên kết được trình bày như sau:

*Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận Số 1 ("VICT")*

Công ty sở hữu 37% vốn chủ sở hữu của VICT, một doanh nghiệp liên doanh được thành lập theo Luật Đầu tư Nước ngoài tại Việt Nam và Luật Đầu tư hiện hành theo Giấy phép Đầu tư ("GPĐT") số 996/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 22 tháng 9 năm 1994 và theo các GPĐT điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của VICT là xây dựng và kinh doanh khu cảng container tại Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh và kinh doanh dịch vụ giao nhận hàng hóa và vận chuyển container bằng đường bộ cho các khách hàng trực tiếp sử dụng dịch vụ cảng container. VICT có trụ chính tại Đường A5, Khu phố 5, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại 747 ("SOWATCO-ECO 747")*

Công ty sở hữu 49% vốn chủ sở hữu của SOWATCO-ECO 747, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo CNĐKKD số 2900751997 do SKHĐT Tỉnh Nghệ An cấp ngày 7 tháng 6 năm 2006 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của SOWATCO-ECO 747 là xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. SOWATCO-ECO 747 có trụ sở đăng ký tại số 161/1 Trường Chinh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An.

*Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Đường thủy Miền Nam ("SOWATCOSER")*

Công ty sở hữu 26,27% vốn chủ sở hữu của SOWATCOSER, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0303215396 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 4 năm 2004 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của SOWATCOSER là cung cấp các hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. SOWATCOSER có trụ sở đăng ký tại số 38 Tôn Thất Thuyết, Phường 15, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lượng nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 412 (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 536).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tổng Công ty là Nhật ký chung.

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tổng Công ty là VND.

**2.5 Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tổng Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tổng Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cùng kỳ báo cáo với Công ty theo các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tổng Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa các đơn vị trong cùng Tổng Công ty được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tổng Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Tổng Công ty trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng của thay đổi trong tỷ lệ sở hữu của công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

14  
 H  
 S  
 N  
 H  
 C



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, chủ yếu bao gồm hàng hóa, với giá trị được xác định là chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

##### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa và các hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.4 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm và nâng cấp tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

##### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Tổng Công ty mua. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là không có thời hạn hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn thể hiện giá trị tiền thuê đất, được khấu trừ theo thời gian thuê, còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được trích hao mòn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Khấu hao**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 6 năm

**3.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

**3.7 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tổng Công ty và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh.

**3.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

**3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Tổng Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.10 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào các công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Thông thường, Tổng Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu ít nhất 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tổng Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của Tổng Công ty trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Tổng Công ty trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tổng Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tổng Công ty trong trường hợp cần thiết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi năm báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty từ trước ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

**3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tổng Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Phân chia lợi nhuận thuần**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tổng Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

*Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tổng Công ty.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

*Cổ tức*

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**3.14 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**3.15 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tổng Công ty được xác lập.

**3.16 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tổng Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.17 Thông tin bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty chủ yếu được tạo ra từ hoạt động cung cấp dịch vụ kho vận, giao nhận vận tải; cơ khí đóng tàu; xây dựng; xuất khẩu lao động; kinh doanh thương mại (dầu, nhớt); và hoạt động đầu tư tài chính trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	273.983.136	1.202.105.096
Tiền gửi ngân hàng	23.963.429.310	39.585.888.403
Các khoản tương đương tiền	20.946.000.000	127.620.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>45.183.412.446</b>	<b>168.407.993.499</b>

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi tại ngân hàng với kỳ hạn gốc dưới ba (3) tháng và hưởng lãi suất dao động từ 4,5%/năm đến 6%/năm đối với các khoản tiền gửi bằng VND và 0%/năm đối với khoản tiền gửi bằng USD.

**5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	64.374.870.000	58.387.500.000
Ủy thác đầu tư (ii)	135.000.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>199.374.870.000</b>	<b>58.387.500.000</b>

(i) Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng có thời hạn mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất dao động từ 6,0% đến 6,5% một năm. Trong đó, Tổng Công ty đã sử dụng khoản tiền gửi với số tiền là 50.000.000.000 VND làm tài sản thế chấp cho các khoản vay dài hạn từ ngân hàng (*Thuyết minh số 16.2*).

(ii) Đây là khoản ủy thác cho Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ IB đầu tư với thời hạn mười hai (12) tháng kể từ ngày 14 tháng 11 năm 2016 nhằm mục đích đầu tư vào các loại chứng khoán và các giấy tờ có giá tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>41.114.365.126</b>	<b>31.009.652.943</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh số 25)</i>		
<i>Công ty TNHH Than Tân Phú Đồng</i>	16.125.242.045	7.298.734.894
<i>Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Hữu Lễ</i>	5.743.434.493	5.004.675.791
<i>Khách hàng khác</i>	4.487.059.450	4.487.059.450
	14.758.629.138	14.219.182.808
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>6.466.785.679</b>	<b>4.337.970.529</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Công ty TNHH MTV Thương mại M.H.P</i>	3.793.888.000	-
<i>Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Phước Thịnh</i>	1.267.200.000	99.880.000
<i>Công ty TNHH Sản xuất Cơ khí Trường Thịnh</i>	700.240.200	1.556.450.000
<i>Người bán khác</i>	705.457.479	2.681.640.529
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>25.641.430.510</b>	<b>14.084.135.635</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu về tiền lương, bảo hiểm xã hội của thuyền viên từ các đại lý</i>	16.134.815.723	12.790.160.357
<i>Phải thu lãi từ hoạt động ủy thác đầu tư</i>	5.974.236.111	-
<i>Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn</i>	1.602.514.420	-
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>	1.929.864.256	1.293.975.278
<b>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</b>	<b>(16.462.841.103)</b>	<b>(14.847.603.644)</b>
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>56.759.740.212</b>	<b>34.584.155.463</b>

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	14.847.603.644	12.665.119.786
Dự phòng trích lập trong năm	1.615.237.459	2.201.393.284
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(18.909.426)
Số cuối năm	<u>16.462.841.103</u>	<u>14.847.603.644</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (tiếp theo)**

Nợ xấu

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại 747	6.463.918.325	-	6.463.918.325	-
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Hữu Lễ	4.487.059.450	-	4.487.059.450	-
Công ty TNHH Xi măng Sơn Hồng	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Khác	4.601.994.627	90.131.299	2.896.625.869	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>16.552.972.402</b>	<b>90.131.299</b>	<b>14.847.603.644</b>	<b>-</b>

**7. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng hóa	8.575.880.466	10.642.952.908
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.306.743.356	9.966.796.985
Nguyên liệu, vật liệu	1.594.197.586	916.943.961
Công cụ, dụng cụ	347.543.494	14.335.848
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>13.824.364.902</b>	<b>21.541.029.702</b>

**8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí thuê văn phòng	115.636.364	60.000.000
Chi phí khác	26.330.161	7.000.000
	<u>141.966.525</u>	<u>67.000.000</u>
<b>Dài hạn</b>		
Phí tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp	4.994.942.750	5.685.614.750
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	870.183.918	-
	<u>5.865.126.668</u>	<u>5.685.614.750</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.007.093.193</b>	<b>5.752.614.750</b>



## Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

### 9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VND Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	213.160.910.766	18.757.028.370	99.996.204.612	1.169.057.738	333.083.201.486
Mua mới trong năm	10.059.058.721	916.000.000	-	-	10.975.058.721
Thanh lý trong năm	-	-	(873.791.839)	(41.692.654)	(915.484.493)
Phân loại lại	-	-	-	(67.984.121)	(67.984.121)
Số cuối năm	223.219.969.487	19.673.028.370	99.122.412.773	1.059.380.963	343.074.791.593
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết	12.141.282.863	7.429.062.290	12.197.540.644	812.323.344	32.580.209.141
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số đầu năm	70.834.143.093	13.248.479.150	57.111.465.241	981.004.801	142.175.092.285
Khấu hao trong năm	7.833.603.703	1.329.415.731	6.172.319.536	51.069.996	15.386.408.966
Thanh lý trong năm	-	-	(873.791.839)	(41.692.654)	(915.484.493)
Phân loại lại	-	-	-	(49.323.804)	(49.323.804)
Số cuối năm	78.667.746.796	14.577.894.881	62.409.992.938	941.058.339	156.596.692.954
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	142.326.767.673	5.508.549.220	42.884.739.371	188.052.937	190.908.109.201
Số cuối năm	144.552.222.691	5.095.133.489	36.712.419.835	118.322.624	186.478.098.639

Tổng Công ty đã sử dụng phương tiện vận tải với giá trị còn lại là 15.805.792.230 VND làm tài sản thế chấp cho các khoản vay dài hạn từ ngân hàng. Chi tiết được thể hiện trong *Thuyết minh số 16.2.*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất tại các địa điểm sau:

- Quyền sử dụng đất tại số 1461 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng mua bán nhà ở giữa Công ty với Công ty TNHH Liên doanh Phú Mỹ Hưng ("PMH") ngày 20 tháng 6 năm 2009. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đang trong quá trình hoàn thành việc chuyển quyền sử dụng đất từ PMH sang Tổng Công ty.
- Quyền sử dụng đất của Tổng Công ty tại số 298 Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng mua bán nhà ngày 7 tháng 7 năm 1999.

Ngày 21 tháng 7 năm 2011, Tổng Công ty nhận được Quyết định số 3573/QĐ-UBND từ Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc chấp thuận cho Tổng Công ty được sử dụng khu đất này dưới hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất để tiếp tục sử dụng làm văn phòng và ủy quyền cho Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh xác định tiền sử dụng đất mà Công ty phải nộp.

Ngày 24 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty nhận được tờ trình số 572/TTTr-TVC-HĐTĐGTP từ Tổ chuyên viên trình Hội đồng Thẩm định giá Thành phố Hồ Chí Minh xem xét và phê duyệt, theo đó chi phí sử dụng đất được ước tính là 11.185.314.538 VND.

Từ ngày 24 tháng 12 năm 2014 đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty không nhận thêm bất kỳ văn bản nào khác từ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc chi phí sử dụng đất phải nộp và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành, Ban Tổng Giám đốc cho rằng hiện nay chưa có kết luận cuối cùng về vấn đề này, và do đó Tổng Công ty đã không ghi nhận khoản nợ phải trả với số tiền nêu trên trong báo cáo tài chính hợp nhất và đồng thời chưa tiến hành trích hao mòn cho giá trị quyền sử dụng đất nêu trên.

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tàu chở hàng	14.571.109.942	-
Khác	200.597.092	4.043.861.348
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>14.771.707.034</b>	<b>4.043.861.348</b>

**12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	317.138.354.170	324.345.354.055
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	320.997.266.614	321.023.839.432
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>638.135.620.784</b>	<b>645.369.193.487</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

**12.1 Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết**

Chi tiết khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

	VND			
	Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận Số 1	Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại 747	Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Đường thủy Miền Nam	Tổng cộng
<b>Giá trị đầu tư</b>				
Số đầu năm và số cuối năm	155.730.813.876	3.561.349.400	3.039.240.000	162.331.403.276
<b>Phản lũy kế lợi nhuận (lỗ) sau khi mua các công ty liên doanh, liên kết</b>				
Số đầu năm	165.454.445.760	(3.561.349.400)	120.854.419	162.013.950.779
Phần lợi nhuận trong năm	30.268.868.649	-	44.785.030	30.313.653.679
Cổ tức nhận được trong năm	(37.520.653.564)	-	-	(37.520.653.564)
Số cuối năm	158.202.660.845	(3.561.349.400)	165.639.449	154.806.950.894
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	321.185.259.636	-	3.160.094.419	324.345.354.055
Số cuối năm	313.933.474.721	-	3.204.879.449	317.138.354.170

**12.2 Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Giá gốc khoản đầu tư	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	% sở hữu	Giá trị VND	% sở hữu
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Keppel Land Watco (*)	320.184.141.975	16,00	320.184.141.975	16,00
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn - Hiệp Phước	440.000.000	0,05	440.000.000	0,05
Công ty Cổ phần Xuất khẩu Lao động và Dịch vụ Vận tải thủy Miền Nam	373.124.639		373.124.639	
Khác	-		26.572.818	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>320.997.266.614</b>		<b>321.023.839.432</b>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

**12.2 Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác** (tiếp theo)

(\*) Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Keppel Land Watco (“Keppel Land Watco”) là một doanh nghiệp liên doanh được thành lập tại Việt Nam theo Luật Đầu tư Nước ngoài theo Giấy phép đầu tư (“GPĐT”) số 626/GP do Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư (nay là Bộ Kế hoạch và Đầu tư) cấp ngày 19 tháng 6 năm 1993 và theo các GPĐT điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của Keppel Land Watco là sở hữu và phát triển khu văn phòng và căn hộ cho thuê tại Thành phố Hồ Chí Minh để tạo thu nhập từ hoạt động cho thuê và các dịch vụ khác. Keppel Land Watco có trụ sở chính tại Lầu 4, Tòa nhà Saigon Centre, số 65 Lê Lợi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên ngày 21 tháng 4 năm 2016, cổ đông của Tổng Công ty đã thống nhất thông qua Tờ trình của Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) về việc thoái vốn tại Keppel Land Watco.

Theo Quyết định của HĐQT ngày 28 tháng 6 năm 2016, HĐQT đã thông qua việc chuyển nhượng khoản đầu tư vào Keppel Land Watco và ủy quyền cho Tổng Giám đốc Công ty ký kết các hợp đồng và các văn bản có liên quan đến việc chuyển nhượng nói trên.

**13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ban Quản lý Dự án Quận 11	1.086.228.100	8.871.044.350
Người mua khác	1.196.566.114	3.614.799.154
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.282.794.214</b>	<b>12.485.843.504</b>

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND				
	Số đầu năm	Tăng		Giảm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.058.666.636	4.149.521.156	(10.507.165.015)		1.701.022.777
Thuế giá trị gia tăng	1.134.859.058	17.876.593.796	(17.492.443.322)		1.519.009.532
Thuế thu nhập cá nhân	427.489.433	1.155.479.607	(1.371.873.930)		211.095.110
Khác	7.000.480	6.015.524.014	(6.015.524.015)		7.000.479
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.628.015.607</b>	<b>29.197.118.573</b>	<b>(35.387.006.282)</b>		<b>3.438.127.898</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Phải trả cho thuyền viên	24.912.326.061	25.456.284.059
Nhận ký quỹ	7.055.298.847	7.069.435.534
Doanh thu chưa thực hiện	5.093.817.573	5.867.969.435
Phải trả hãng tàu	2.478.502.377	2.652.317.134
Bảo hiểm thuyền viên	1.435.607.113	811.482.989
Phải trả khác cho bên liên quan (Thuyết minh số 25)	117.500.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	<u>19.210.771.463</u>	<u>15.171.913.114</u>
	<u>60.303.823.434</u>	<u>57.029.402.265</u>
Dài hạn		
Nhận ký quỹ từ thuyền viên	6.593.100.000	1.687.500.000
Nhận ký quỹ thuê nhà và thuê sân bãi	584.500.000	904.500.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	<u>392.029.000</u>	<u>350.438.000</u>
	<u>7.569.629.000</u>	<u>2.942.438.000</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>67.873.452.434</u></b>	<b><u>59.971.840.265</u></b>

**16. VAY**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Vay bên liên quan	15.000.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả	1.056.571.389	957.906.970
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	4.958.094.641
	<u>16.056.571.389</u>	<u>5.916.001.611</u>
Dài hạn		
Vay dài hạn ngân hàng	<u>55.586.933.613</u>	<u>55.956.313.681</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>71.643.505.002</u></b>	<b><u>61.872.315.292</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**16. VAY (tiếp theo)**

*Tình hình tăng (giảm) các khoản vay như sau:*

	VND		
	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn	Tổng cộng
Số đầu năm	5.916.001.611	55.956.313.681	61.872.315.292
Tiền thu từ đi vay	45.254.373.946	-	45.254.373.946
Kết chuyển vay dài hạn đến hạn trả	1.060.547.893	(1.060.547.893)	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	(36.174.352.061)	-	(36.174.352.061)
Chênh lệch tỷ giá	-	691.167.825	691.167.825
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>16.056.571.389</u></b>	<b><u>55.586.933.613</u></b>	<b><u>71.643.505.002</u></b>

**16.1 Vay ngắn hạn từ bên liên quan**

Tổng Công ty có khoản vay ngắn hạn từ bên liên quan nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động (*Thuyết minh số 25*). Chi tiết khoản vay ngắn hạn được trình bày như sau:

Bên liên quan	Số cuối năm VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Kho vận Miền nam	<u>15.000.000.000</u>	Ngày 14 tháng 2 năm 2017	6,0	Tín chấp

## Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

### 16. VAY (tiếp theo)

#### 16.2 Vay dài hạn từ ngân hàng

Tổng Công ty có các khoản vay dài hạn theo các hiệp định tài trợ khung (Hiệp định vay số 2613-VIE và số 2614-VIE) giữa Chính phủ Việt Nam và Ngân hàng Phát triển Châu Á ("ADB") nhằm mục đích hỗ trợ tài chính cho Chương trình Cải cách Doanh nghiệp Nhà nước và Hỗ trợ quản trị công ty. Chi tiết các khoản vay được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm		Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
	VND	USD			
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Sở Giao dịch II					
Hiệp định vay các Nghiệp vụ Thông thường ("Khoản vay OCR") (i)	50.000.306.160	2.256.433	Ngày 15 tháng 11 năm 2034	0,68	Phương tiện vận tải với giá trị còn lại là 15.805.792.230 VND
Hiệp định vay các Nghiệp vụ Đặc biệt ("Khoản vay ADF") (ii)	6.643.198.842	299.797	Ngày 15 tháng 11 năm 2041	1,00	(Thuyết minh số 9); và tiền gửi có kỳ hạn trị giá 50.000.000.000 VND (Thuyết minh số 5)

### TỔNG CỘNG

**56.643.505.002**      **2.556.230**

Trong đó:

Vay dài hạn      55.586.933.613

Vay dài hạn đến hạn trả      1.056.571.389

Theo Hiệp định vay phụ ngày 8 tháng 10 năm 2010 giữa Bộ Tài chính ("BTC") và Công ty, BTC sẽ cho Tổng Công ty vay lại các khoản vay mà BTC vay được từ ADB theo những điều kiện và điều khoản được ADB chấp thuận, chi tiết như sau:

(i) Khoản vay OCR theo Hiệp định vay số 2613-VIE được sử dụng để tài trợ cho các dự án tái cấu trúc tài chính và tái cấu trúc doanh nghiệp của Tổng Công ty. Khoản vay được hoàn trả sau 25 năm với lãi suất LIBOR cộng với chênh lệch tại từng thời điểm do ADB thông báo. Tiền lãi và gốc được thanh toán hai kỳ mỗi năm vào các ngày 15 tháng 5 và ngày 15 tháng 11 bắt đầu từ ngày 15 tháng 5 năm 2015 đến ngày 15 tháng 11 năm 2034.

(ii) Khoản vay ADF theo Hiệp định vay số 2614-VIE được sử dụng để tài trợ cho các dự án cũng có và tái cấu trúc hoạt động của Tổng Công ty. Khoản vay được hoàn trả sau 32 năm với lãi suất 1%/năm (trong thời gian ân hạn) và 1,5%/năm trong các năm sau đó. Tiền lãi và gốc được thanh toán hai kỳ mỗi năm vào các ngày 15 tháng 5 và ngày 15 tháng 11 bắt đầu từ ngày 15 tháng 5 năm 2018 đến ngày 15 tháng 11 năm 2041.

## Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

### 17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 17.1 Tình hình thay đổi nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (trình bày lại)	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>							
Số đầu năm (đã được trình bày trước đây)	671.000.000.000	531.468.161	26.497.493.214	11.693.780.708	49.565.919.026	171.439.325.222	930.727.986.331
Ảnh hưởng của trình bày lại	-	-	-	-	-	2.777.852.532	2.777.852.532
Số đầu năm (được trình bày lại)	671.000.000.000	531.468.161	26.497.493.214	11.693.780.708	49.565.919.026	174.217.177.754	933.505.838.863
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	66.701.760.249	66.701.760.249
Cổ tức đã công bố	-	-	-	-	-	(25.430.900.000)	(25.430.900.000)
Trích lập các quỹ	-	-	53.632.376	-	-	(3.050.024.787)	(2.996.392.411)
Phân loại lại	-	-	11.693.780.708	(11.693.780.708)	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	596.359.806	596.359.806
Số cuối năm	671.000.000.000	531.468.161	38.244.906.298	-	49.565.919.026	213.034.373.022	972.376.666.507
<b>Năm nay</b>							
Số đầu năm (đã được trình bày trước đây)	671.000.000.000	531.468.161	38.244.906.298	-	49.565.919.026	210.185.293.502	969.527.586.987
Ảnh hưởng của trình bày lại (Thuyết minh số 28)	-	-	-	-	-	2.849.079.520	2.849.079.520
Số đầu năm (được trình bày lại)	671.000.000.000	531.468.161	38.244.906.298	-	49.565.919.026	213.034.373.022	972.376.666.507
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	62.777.942.950	62.777.942.950
Cổ tức đã công bố (*)	-	-	-	-	-	(33.550.000.000)	(33.550.000.000)
Trích lập các quỹ	-	-	68.900.045	-	-	(242.239.217)	(173.339.172)
Thù lao HĐQT	-	-	-	-	-	(30.520.001)	(30.520.001)
Giảm khác	-	(1.017.955)	(31.967.241)	-	-	(173.165.384)	(206.150.580)
Số cuối năm	671.000.000.000	530.450.206	38.281.839.102	-	49.565.919.026	241.816.391.370	1.001.194.599.704



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**17.1 Tình hình thay đổi nguồn vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)

(\*) Tổng Công ty đã công bố và trả cổ tức năm 2015 bằng tiền tại mức 5% trên mệnh giá cổ phiếu phổ thông theo Nghị Quyết của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên ngày 21 tháng 4 năm 2016.

**17.2 Cổ phiếu**

	Số cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	67.100.000	67.100.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	67.100.000	67.100.000

Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND (2015: 10.000 VND).

**17.3 Lãi trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ (VND)	62.777.942.950	66.701.760.249
Trừ: Quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(173.339.172)	(2.996.392.411)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)</b>	<b>62.604.603.778</b>	<b>63.875.311.420</b>
Số cổ phiếu bình quân lưu hành bình quân	67.100.000	67.100.000
Lãi trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)		
- Lãi cơ bản	933	949
- Lãi suy giảm	933	949

Tổng Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm tàng vào ngày kết thúc năm tài chính.

**17.4 Cổ tức**

	Năm nay	Năm trước VND
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông đã công bố và đã trả trong năm	33.550.000.000	25.430.900.000

**17.5 Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

	Năm nay	Năm trước VND
Số đầu năm	3.731.263.114	3.493.541.448
Tăng vốn	2.624.000.000	-
Lợi nhuận trong năm	418.207.785	421.465.431
Cổ tức đã trả	(234.177.664)	(136.760.624)
Các khoản khác	109.230.874	(46.983.141)
<b>Số cuối năm</b>	<b>6.648.524.109</b>	<b>3.731.263.114</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**18. DOANH THU**

**18.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>210.038.104.017</b>	<b>216.048.424.885</b>
Trong đó:		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	178.995.394.826	151.712.485.705
Doanh thu bán hàng hóa	31.042.709.191	64.335.939.180
<b>Khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Hàng bán bị trả lại	(3.443.095.476)	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>206.595.008.541</u></b>	<b><u>216.048.424.885</u></b>
Trong đó:		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	178.995.394.826	151.712.485.705
Doanh thu bán hàng hóa	27.599.613.715	64.335.939.180
Trong đó:		
Doanh thu đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	66.722.016.532	54.461.933.898
Doanh thu đối với khách hàng khác	139.872.992.009	161.586.490.987

**18.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức và lợi nhuận được chia	67.874.938.720	9.790.478.660
Lãi tiền gửi	7.402.077.412	7.787.739.787
Lãi cho vay	155.833.333	-
Khác	10.384.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>75.443.233.465</u></b>	<b><u>17.578.218.447</u></b>

**19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	144.816.841.984	88.175.576.338
Giá vốn của hàng hóa đã bán	34.788.767.974	78.797.066.851
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>179.605.609.958</u></b>	<b><u>166.972.643.189</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi trả chậm	2.863.763.406	-
Chi phí lãi vay	1.001.016.750	1.213.333.738
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	688.374.904	1.463.080.632
Hoàn nhập lãi vay trích vượt các năm trước	-	(2.268.563.963)
Chi phí tài chính khác	427.346.327	49.345.354
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.980.501.387</b>	<b>457.195.761</b>

**21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	7.801.732.720	10.350.564.296
Dự phòng trợ cấp thôi việc	4.122.683.275	1.443.782.175
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.556.639.278	4.053.592.812
Dự phòng các khoản phải thu	1.615.237.459	175.673.388
Dự phòng bảo hành công trình	644.489.984	613.554.436
Chi phí khấu hao tài sản cố định	307.830.156	318.448.285
Chi phí khác	3.529.243.876	2.710.873.873
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>20.577.856.748</b>	<b>19.666.489.265</b>

**22. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>	<b>1.136.750.899</b>	<b>5.924.217.626</b>
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	613.554.436	28.998.350
Xử lý các khoản nợ không phải trả	-	4.982.841.274
Các khoản khác	523.196.463	912.378.002
<b>Chi phí khác</b>	<b>4.154.589.323</b>	<b>236.590.170</b>
Chi phí xóa sổ xây dựng cơ bản dở dang	3.947.043.994	-
Các khoản khác	207.545.329	236.590.170
<b>(LỖ) LỢI NHUẬN KHÁC</b>	<b>(3.017.838.424)</b>	<b>5.687.627.456</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	60.295.793.279	60.680.126.965
Chi phí dịch vụ mua ngoài	53.972.139.537	37.806.466.654
Giá vốn hàng hóa đã bán	27.828.548.850	32.573.316.389
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	17.609.055.397	26.823.167.867
Chi phí khấu hao tài sản cố định (Thuyết minh số 9)	15.386.408.966	15.565.839.944
Chi phí khác	25.091.520.677	13.190.214.635
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>200.183.466.706</u></b>	<b><u>186.639.132.454</u></b>

**24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với thuế suất bằng 20% lợi nhuận chịu thuế (năm 2015: 22%).

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**24.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.149.521.156	9.310.733.581
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	<u>(696.236.287)</u>	<u>(71.226.988)</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.453.284.869</u></b>	<b><u>9.239.506.593</u></b>

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b><u>66.649.435.604</u></b>	<b><u>76.362.732.273</u></b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% (2015: 22%)	13.329.887.121	16.799.801.100
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Lỗ (lãi) từ công ty liên kết	1.441.399.977	(5.311.853.734)
Các chi phí không được trừ	789.408.799	-
Lỗ thuế từ công ty con	12.729.494	-
Thay đổi thuế TNDN hoãn lại do thuế suất	-	(71.226.988)
Cổ tức nhận được	<u>(12.120.140.522)</u>	<u>(2.177.213.785)</u>
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b><u>3.453.284.869</u></b>	<b><u>9.239.506.593</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**24.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Tổng Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**24.3 Thuế thu nhập hoãn lại**

Tổng Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả, cùng với biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	712.269.880	712.269.880	-	(71.226.988)
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	71.041.653	-	71.041.653	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	(767.277.940)	-	(767.277.940)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>16.033.593</b>	<b>712.269.880</b>	<b>(696.236.287)</b>	<b>(71.226.988)</b>

## Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

### 25. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với bên liên quan*

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Tổng Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm không cần bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Các giao dịch trọng yếu của Tổng Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận Số 1 ("VICT")	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ Nhận cổ tức	64.928.012.294 37.520.653.564	54.461.933.898 9.760.077.560
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	Bên liên quan	Vay Cho vay Thu cho vay Trả nợ gốc vay Cung cấp dịch vụ Lãi vay Lãi cho vay	40.000.000.000 33.000.000.000 33.000.000.000 25.000.000.000 1.580.636.363 192.666.667 155.833.333	- - - - - - -
Công ty Liên doanh Keppel Land Watco	Bên liên quan	Nhận cổ tức	19.080.049.045	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Đường thủy Miền Nam	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	213.367.875	-

## Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

### 25. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>					
VICT	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	8.150.809.761	376.210.755	
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại 747	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	6.463.918.325	6.463.918.325	
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ	1.032.456.670	-	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Đường thủy Miền Nam	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	478.057.289	458.605.814	
			<b>16.125.242.045</b>	<b>7.298.734.894</b>	
<b>Vay ngắn hạn</b>					
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	Bên liên quan	Vay	15.000.000.000	-	
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>					
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	Bên liên quan	Lãi vay	117.500.000	-	
Lương, thưởng và thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám Giám đốc như sau:					
			Năm nay	Năm trước	VND
Lương, thù lao và thưởng			1.200.100.000	969.900.000	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**26. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Tổng Công ty hiện đang thuê đất và văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Đến 1 năm	4.308.761.452	4.404.761.452
Trên 1 - 5 năm	3.201.086.946	7.726.686.334
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.509.848.398</b>	<b>12.131.447.786</b>

**27. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN**

Tổng Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tổng Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tổng Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tổng Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau. Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty chủ yếu được tạo ra từ hoạt động cung cấp dịch vụ kho vận, giao nhận vận tải; cơ khí đóng tàu; xây dựng; xuất khẩu lao động; kinh doanh thương mại (dầu, nhớt); và hoạt động đầu tư tài chính trong một khu vực địa lý là Việt Nam.



## Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

### 27. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

	Kinh doanh thương mại	Cơ khí đồng tàu	Xây dựng	Xuất khẩu lao động	Dịch vụ kho vận, giao nhận vận tải	Hoạt động đầu tư tài chính	VND
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>							
Doanh thu bộ phận	27.687.156.037	24.913.360.392	26.183.723.579	10.355.612.946	117.455.155.587	60.834.156.168	267.429.164.709
Lợi nhuận bộ phận	(3.101.070.150)	2.541.290.485	2.414.580.867	870.221.652	24.264.375.729	60.834.156.168	87.823.554.751
<i>Đối chiếu</i>							
Lãi tiền gửi							7.402.077.412
Chi phí lãi vay							(1.001.016.750)
Chi phí không phân bổ							(27.575.179.809)
Lợi nhuận kế toán trước thuế							66.649.435.604
<b>Các thông tin bộ phận khác</b>							
Khấu hao	(299.238.151)	(1.438.155.533)	(243.720.288)	(45.192.612)	(13.360.102.382)	-	(15.386.408.966)
Dự phòng phải thu khó đòi	(29.076.850)	(69.304.521)	-	(528.229.020)	(988.627.068)	-	(1.615.237.459)
<b>Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>							
Tài sản bộ phận	13.769.334.652	25.753.290.563	6.758.610.818	16.172.476.216	210.894.506.111	645.680.690.228	919.028.908.588
<i>Đối chiếu:</i>							
Tài sản không phân bổ							246.734.293.622
Tổng tài sản							1.165.763.202.210
<b>Nợ phải trả bộ phận</b>							
Nợ phải trả không phân bổ	452.960.146	504.685.235	1.779.995.664	45.484.830.252	1.589.456.842	-	49.811.928.139
<i>Đối chiếu:</i>							
Nợ phải trả không phân bổ							108.108.150.258
Tổng nợ phải trả							157.920.078.397

# Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

## 27. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty như sau: (tiếp theo)

	Kinh doanh thương mại	Cơ khí đóng tàu	Xây dựng	Xuất khẩu lao động	Dịch vụ kho vận, giao nhận vận tải	Hoạt động đầu tư tài chính	VND Tổng cộng
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>							
Doanh thu bộ phận	34.947.807.561	28.421.836.451	33.165.699.313	9.373.125.851	110.139.955.709	33.935.268.360	249.983.693.245
Lợi nhuận bộ phận	5.525.727.803	2.308.510.629	3.209.618.173	972.163.807	37.059.761.284	33.935.268.360	83.011.050.056
<u>Đối chiếu:</u>							7.787.739.787
Lãi tiền gửi							(1.213.333.738)
Chi phí lãi vay							(13.222.723.832)
Chi phí không phân bổ							76.362.732.273
Lợi nhuận kế toán trước thuế							
<b>Các thông tin bộ phận khác</b>							
Khấu hao	(439.456.190)	(1.497.096.984)	(371.265.357)	-	(13.505.308.794)	-	(15.813.127.325)
Dự phòng phải thu khó đòi	(205.825.783)	(86.366.627)	-	(658.273.917)	(1,232,017,531)	-	(2,182,483,858)
<b>Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>							
Tài sản bộ phận	14.173.681.296	21.780.891.025	12.908.633.301	12.312.418.632	188.190.135.412	703.756.693.487	953.122.453.153
<u>Đối chiếu:</u>							181.419.915.888
Tài sản không phân bổ							1.134.542.369.041
Tổng tài sản							67.188.133.298
<b>Nợ phải trả bộ phận</b>							
Nợ phải trả không phân bổ	452.960.146	2.313.322.062	17.227.793.601	45.421.386.346	1.772.671.143	-	91.246.306.122
<u>Đối chiếu:</u>							158.434.439.420
Tổng nợ phải trả							

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**28. ĐIỀU CHỈNH SỐ LIỆU KẾ TOÁN NĂM TRƯỚC**

Tổng Công ty đã điều chỉnh hồi tố khoản mục dự phòng đầu tư tài chính dài hạn, thuế thu nhập hoãn lại phải trả và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh từ việc hoàn nhập khoản dự phòng đầu tư vào một công ty liên kết, là Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại 747. Việc ghi nhận này đã được điều chỉnh hồi tố bằng cách ghi giảm tài khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn, ghi tăng tài khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài khoản lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 với số tiền lần lượt là 3.561.349.400 VND, 712.269.880 VND và 2.849.079.520 VND.

Ngoài ra, một vài dữ liệu tương ứng trong báo cáo tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày cũng đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của năm nay, chi tiết như sau:

	VND			
	<i>Số đầu năm (đã được trình bày trước đây)</i>	<i>Ảnh hưởng của phân loại lại</i>	<i>Ảnh hưởng của trình bày lại</i>	<i>Số đầu năm (đã được phân loại/trình bày lại)</i>
<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT</b>				
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	23.710.918.049	7.298.734.894	-	31.009.652.943
Thuế GTGT được khấu trừ	-	293.043.773	-	293.043.773
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	293.043.773	(293.043.773)	-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	644.529.496.030	(320.184.141.975)	-	324.345.354.055
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	839.697.457	320.184.141.975	-	321.023.839.432
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(3.561.349.400)	-	3.561.349.400	-
Phải trả ngắn hạn khác	49.730.667.371	7.298.734.894	-	57.029.402.265
Vay ngắn hạn	4.958.094.641	957.906.970	-	5.916.001.611
Vay dài hạn	56.914.220.651	(957.906.970)	-	55.956.313.681
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-	712.269.880	712.269.880
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	5.154.133.212	138.329.400.041	2.849.079.520	146.332.612.773
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	205.031.160.290	(138.329.400.041)	-	66.701.760.249

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**28. ĐIỀU CHỈNH SỐ LIỆU KẾ TOÁN NĂM TRƯỚC (tiếp theo)**

	VND			
	Năm trước (đã được trình bày trước đây)	Ảnh hưởng của phân loại lại	Ảnh hưởng của trình bày lại	Năm trước (đã được phân loại/trình bày lại)
<b>BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT</b>				
Thu nhập thuế				
TNDN hoãn lại	-	71.226.988	-	71.226.988
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	66.630.533.261	71.226.988	-	66.701.760.249

**29. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất.

  
 Phạm Quang Minh  
 Người lập

  
 Trịnh Văn Quý  
 Kế toán trưởng

  
  
 Trương Quốc Hưng  
 Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2017